

**TÒA ÁN NHÂN D
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN.**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án: **19/2019/DS - ST.**

Ngày: 06/9/2019.

V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng*

D sự vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN D HUYỆN TÁNH LINH TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên.

Các hội thẩm nhân D: 1. Bà Phạm Thị Ngọc Hữu.

2. Ông Dương Thế Hà.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân D huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân D huyện Tánh Linh tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân D huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2019/TLST- DS ngày 06 tháng 6 năm 2019, về “*Tranh chấp về hợp đồng D sự vay tài sản*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐST – DS, ngày 22/8/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu N, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn 1, Xã B, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận: Có mặt.

Bị đơn: Bà Phan Thị Thúy Ng, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn 1, Xã B, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận: Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Phan Đình D, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn 1, Xã B, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận: Có mặt.

Ông Lê L, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn 1, Xã B, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt (có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Trong đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn – bà Lê Thị Thu N trình bày như sau:

Vào năm 2017 bà Lê Thị Thu N bán lúa cho bà Phan Thị Thúy Ng với số tiền là 30.000.000đ. Sau đó, bà Ng có vay thêm số tiền là 120.000.000đ. Vào ngày 14/6/2017, bà Ng có viết giấy nợ thể hiện có vay của bà Lê Thị Thu N số tiền 150.000.000đ. Các bên thỏa thuận lãi suất là 3.000.000đ/tháng; không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Từ khi vay cho đến tháng 12/2017 hàng tháng bà Ng trả tiền lãi đầy đủ. Thế nhưng, từ tháng 01/2018 cho đến nay, bà Ng không thanh toán tiền lãi theo thỏa thuận giữa các bên. Đến năm 2018, bà Ng bị vỡ nợ nên không có khả năng trả tiền lãi. Cho nên, các bên thỏa thuận hàng ngày bà Ng góp cho bà Lê Thị Thu N số tiền là 100.000đ đến 200.000đ. Bà Ng đã trả góp được số tiền là 12.000.000đ.

Hiện nay, bà Ng còn nợ bà Lê Thị Thu N số tiền 138.000.000đ. Bà Thu N xác định: Số tiền 120.000.000đ bà Ng vay là ông Phan Đình D (chồng bà Thu N) trực tiếp giao cho ông Lê L (chồng bà Thúy Ng). Cho nên, số tiền này là nợ chung của vợ chồng bà Thúy Ng, ông Lê L. Do đó, bà Lê Thị Thu N khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Thúy Ng, ông Lê L phải trả cho vợ chồng bà Thu N số tiền 138.000.000đ. Bà Thu N không yêu cầu tính lãi.

[2] Thể hiện trong các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn – Bà Phan Thị Thúy Ng trình bày:

Vào năm 2012, bà Thúy Ng vay bà Thu N số tiền 200.000.000đ; lãi suất 2%/tháng; các bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Đến năm 2015, bà Thúy Ng đã thanh toán cho bà Thu N tổng số tiền là 322.000.000đ. Trong đó, tiền nợ gốc là 130.000.000đ; tiền lãi là 192.000.000đ. Bà Thúy Ng, còn nợ bà Thu N số tiền 70.000.000đ.

Đến năm 2016, bà Thúy Ng liên lạc để mượn bà Thu N số tiền 100.000.000đ; nhưng bà Thu N chỉ cho mượn là 80.000.000đ. Tổng số tiền bà Thúy Ng vay của bà Thu N là 150.000.000đ; thỏa thuận lãi suất 2%/tháng. Từ khi vay cho đến cuối năm 2016, hàng tháng bà Thúy Ng trả tiền lãi cho bà Thu N là 3.000.000đ/tháng. Từ tháng 01/2017 cho đến nay, bà Thúy Ng không trả tiền lãi cho bà Thu N.

Sau đó, bà Phan Thị Thúy H và bà Đặng Thị T cho bà Thúy Ng số tiền 50.000.000đ. Bà Thúy Ng nhờ bà Đặng Thị T giao số tiền này cho bà Thu N. Do không còn khả năng trả nợ nên bà Thúy Ng và bà Thu N thỏa thuận hàng ngày, bà Thúy Ng phải trả tiền góp cho bà Thu N là 200.000đ. Từ ngày 30/4/2018 đến tháng 11/2018 bà Thúy Ng đã trả góp được tổng số tiền là 38.000.000đ. Từ ngày 12/01/2019 đến ngày 14/4/2019, hàng ngày bà Thúy Ng trả góp cho bà Thu N là 100.000đ với tổng số tiền đã trả là 9.200.000đ.

Bà Thúy Ng xác định tổng số tiền đã trả cho bà Thu N là 97.200.000đ. Hiện nay, chỉ còn nợ lại số tiền 52.800.000đ. Bà Thúy Ng cho rằng, khi vay tiền của bà Thu N thì ông Lê L (chồng bà Thúy Ng) không biết nên không liên quan gì đến số tiền nợ này. Do số tiền còn thiếu bà Thu N không phải là nợ chung nên một mình bà Thúy Ng có trách nhiệm thanh toán số tiền 52.800.000đ cho vợ chồng bà Thu N.

[3] Thể hiện trong các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê L quan trình bày:

Ông Lê L không chấp nhận yêu cầu của bà Thu N về việc buộc vợ chồng ông L, bà Thúy Ng phải trả số tiền 138.000.000đ. Ông L cho rằng: Trước đây, ông L, bà Thúy Ng có vay vợ chồng bà Thu N số tiền 80.000.000đ. Số tiền này, ông L nhận từ ông Phan Đình D. Sau đó, ông L nghe nói bà Thúy Ng đã trả cho vợ chồng bà Thu N số tiền 80.000.000đ.

Đối với số tiền 150.000.000đ bà Thúy Ng viết giấy vay tiền của bà Thu N và sử dụng số tiền này vào mục đích gì, thì ông L không biết. Cho nên, ông L không liên quan đến số tiền nợ bà Thu N khởi kiện. Do đó, ông L không có trách nhiệm cùng bà Thúy Ng trả số tiền này cho bà Thu N.

[4] Thể hiện trong các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ông Phan Đình D trình bày:

Việc bà Thu N và bà Thúy Ng thỏa thuận vay mượn tiền như thế nào thì ông D không biết. Thế nhưng, vào thời điểm mùa lúa giữa năm 2017, ông Phan Đình D đến nhà đưa cho ông Lê L (chồng bà Thúy Ng) số tiền 120.000.000đ. Ông D được biết, vợ chồng bà Thúy Ng, ông Lê L có vay của vợ chồng ông D số tiền 150.000.000đ. Sau đó, đã trả số tiền 12.000.000đ. Hiện nay, vợ chồng ông L, bà Nga còn nợ lại số tiền là 138.000.000đ. Ông Phan Đình D đề nghị vợ chồng bà Thúy Ng, ông Lê L phải trả số tiền là 138.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

[5]. Những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Nguyên đơn – bà Lê Thị Thu N cung cấp các tài liệu, chứng cứ sau: 01 tờ giấy kẻ ngang ghi nội dung “L Nga có mượn chị Nga một trăm năm chục triệu đồng; phía dưới có ghi tên Phan Thị Thúy Ng”; 01 USB có nội dung nói chuyện giữa bà Thu N và ông Lê L.; 01 chứng minh nhân D (photo).

- Bị đơn, người có quyền lợi liên quan: Không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Tòa án tiến hành lấy lời khai ông Lê L; một số người làm chứng gồm: bà Phan Thị Thúy H, bà Đặng Thị T, bà Bùi Thị Mỹ Tr.

[6]. Những vấn đề các đương sự không thống nhất:

Vợ chồng bà Lê Thị Thu N, ông Phan Đình D xác định vợ chồng bà Thúy Ng, ông Lê L còn nợ số tiền là 138.000.000đ nên khởi kiện yêu cầu phải trả lại số tiền này.

Vợ chồng ông Lê L, bà Thúy Ng xác định số tiền này không phải là nợ chung của vợ chồng. Đây là số tiền nợ riêng của bà Thúy Ng. Cho nên, ông Lê L không có trách nhiệm thanh toán số tiền này cho vợ chồng bà Thu N, ông D.

Bà Thúy Ng cho rằng: Số tiền còn nợ lại không phải là 138.000.000đ. Hiện nay, bà Thúy Ng chỉ còn nợ vợ chồng ông D, bà Thu N số tiền 52.800.000đ.

[7]. *Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh:*

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng D sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng D sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 146, 147, 227, 228, 203 Bộ luật tố tụng D sự năm 2015.

- Điều 27 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014.

- Các Điều 463, 466 Bộ luật D sự năm 2005

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 về lệ phí, án phí Tòa án

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu N.

Buộc bà Phan Thị Thúy Ng, ông Lê L phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Thu N, ông Phan Đình D số tiền 138.000.000đ.

Về án phí: Bà Phan Thị Thúy Ng, ông Lê L phải có trách nhiệm đóng tiền án phí DSST sung công quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Lê Thị Thu N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập ông Lê L hợp lệ. Ông L đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân D huyện Tánh Linh đề nghị xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê L. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê L là phù hợp.

[1] Về quan hệ pháp luật trong vụ án:

Bà Lê Thị Thu N khởi kiện yêu cầu bị đơn – bà Phan Thị Thúy Ng, ông Lê L phải liên đới trả cho bà Thu N, ông Phan Đình D số tiền vay 138.000.000đ. Ngoài ra các đương sự không có yêu cầu gì khác trong vụ án. Do đó, HĐXX xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp về hợp đồng D sự vay tài sản*” là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015 và Điều 463 BLDS năm 2015. Cho nên, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân D huyện Tánh Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của bà Lê Thị Thu N:

Bà Phan Thị Thúy Ng thừa nhận vào khoảng năm 2016 bà Thúy Ng có vay của bà Thu N tổng số tiền là 150.000.000đ. Thế nhưng, bà Thúy Ng đã trả số tiền là 97.200.000đ. Cho nên, chỉ còn nợ lại bà Thu N số tiền 52.8000.000đ. Tuy nhiên,, bà Thu N cho rằng: Vào ngày 14/6/2017 bà Thúy Ng vay của bà Thu N số tiền 150.000.000đ. Sau đó, bà Thúy Ng đã trả góp được số tiền 12.000.000đ. Cho nên, bà Thúy Ng còn nợ lại số tiền 138.000.000đ.

Tại biên bản lời khai của người làm chứng Đặng Thị T, ngày 01/8/2019 (bút lục 20) thể hiện: Vào tháng 4/2018 (âm lịch) bà Đặng Thị T có đưa cho bà Thu N số tiền 50.000.000đ tại nhà bà Thúy Ng.

Tại phiên tòa, người làm chứng bà Bùi Thị Mỹ Tr trình bày: Bà Tr nghe bà Thúy Ng nói là trả góp cho bà Thu N hàng ngày là 200.000đ. Bà Trang có thấy bà Thúy Ng đưa tiền cho bà Thu N hàng ngày. Thỉnh thoảng bà Thúy Ng có nhờ bà Trang đưa tiền góp hàng ngày cho bà Ng. Thế nhưng, việc giao tiền này cũng không có giấy tờ gì chứng minh. Bà Tr cũng không biết bà Thúy Ng đã trả góp bao nhiêu tiền cho bà Thu N.

Tại phiên tòa, người làm chứng bà Phan Thị Thúy H trình bày: Bà H cho bà Thúy Ng số tiền 40.000.000đ. Bà H nghe nói bà Thúy Ng sử dụng số tiền này để trả nợ cho bà Thu N. Thế nhưng, việc trả tiền giữa các bên như thế nào thì bà Hiền không biết và không chứng kiến.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị Thu N xác định lời khai của bà Phan Thị Thúy Ng và lời khai của những người làm chứng là không đúng sự thật. Bà Thu N chỉ thừa nhận bà Thúy Ng trả góp được số tiền 12.000.000đ. Bà Thu N không nhận số tiền 50.000.000đ từ bà Đặng Thị T. Do bà Thúy Ng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh đã trả tiền cho bà Thu N. Những người làm chứng chỉ nghe nói bà Thúy Ng trả tiền cho bà Thu N và cũng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh đã đưa tiền cho bà Thu N. Như vậy, lời khai của những người làm chứng không đủ cơ sở để xác định bà Thúy Ng đã trả nợ cho bà Thu N với tổng số tiền là 97.200.000đ. Trong khi đó, bà Thu N cung cấp được một tờ giấy có nội dung “14/6 N có mượn chị Ng một trăm năm chục triệu đồng”. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà Thúy Ng đều thừa nhận chữ viết này là của bà Thúy Ng. Do đó, bà Thúy Ng cho rằng đã trả cho bà Thu N tổng số tiền 97.200.000đ và còn nợ lại 52.800.000đ là không có căn cứ

chấp nhận. Bởi vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu N xác định bà Phan Thị Thúy Ng còn nợ số tiền là 138.000.000đ là có căn cứ chấp nhận.

Bà Lê Thị Thu N khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Thúy Ng và ông Lê L phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà Thu N, ông Phan Đình D tổng số tiền là 138.000.000đ. Thế nhưng, ông L, bà Thúy Ng đều cho rằng: Số tiền nợ này không phải là nợ chung của vợ chồng bà Thúy Ng. Do ông L không biết gì liên quan đến việc bà Thúy Ng vay tiền của bà Thu N. Cho nên, đây là khoản nợ riêng của một mình bà Thúy Ng. Do đó, bà Thúy Ng có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng bà Thu N.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị Thu N cung cấp 01 USB. Bà Ng cho rằng: Nội dung cuộc nói chuyện trong USB là giọng nói của bà Thu N và ông Lê L. Trong cuộc nói chuyện này, có đoạn ông Lê L thừa nhận có nhận từ ông Phan Đình D (chồng bà Thu N) số tiền 80.000.000đ.

Xét thấy: Thể hiện tại các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ông Lê L cho rằng lời nói trong USB không giống của ông L. Thế nhưng, ông L thừa nhận nội dung nói chuyện trong USB giống nội dung cuộc nói chuyện giữa ông L và bà Thu N.

Bà Thúy Ng (vợ ông L) thừa nhận giọng nói người đàn ông trong USB do bà Thu N cung cấp là giọng nói của ông Lê L. Tại biên bản làm việc, ngày 28/8/2019 ông Lê L khai nhận: Từ năm 2019 cho đến nay tất cả những chi phí sinh hoạt trong gia đình do ông L lo. Thế nhưng, trước năm 2019 các chi phí sinh hoạt trong nhà do bà Thúy Ng lo từ thu nhập do bà Thúy Ng kiếm được. Ông L thừa nhận vào thời điểm nào không xác định được, ông L có nhận từ ông D số tiền 80.000.000đ. Theo ông L được biết số tiền 80.000.000đ, bà Thúy Ng đã trả cho bà Thu N.

Tại phiên tòa, bà Thúy Ng thừa nhận ông L có nhận từ ông Phan Đình D số tiền 80.000.000đ. Thế nhưng, bà Thúy Ng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh đã trả 80.000.000đ cho bà Thu N. Bà Thúy Ng khai nhận: bà Thu N vay tiền về đầu tư vào việc mua bán nông sản của gia đình.

Do đó, có căn cứ xác định số tiền mà bà Thúy Ng vay của bà Thu N thì ông Lê L có biết và bà Thúy Ng sử dụng số tiền này để đầu tư vào việc làm ăn nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình. Cho nên, số tiền vay của bà Thu N là nợ chung của bà Thúy Ng và ông Lê L.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu N, ông Phan Đình D về việc buộc ông Lê L, bà Phan Thị Thúy Ng có trách nhiệm liên đới trả số tiền 138.000.000đ là có căn cứ chấp nhận và phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 463, 466, 469 Bộ luật D sự năm 2015.

[4] Về tiền lãi:

Bà Lê Thị Thu N, ông Phan Đình D không có yêu cầu tính tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] *Về án phí*: Do yêu cầu của phía nguyên đơn – bà Lê Thị Thu N được chấp nhận nên cần buộc bị đơn bà Phan Thị Thúy Ng, ông Lê L phải chịu án phí D sự sơ thẩm trong vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 147 BLTTDS năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa IV về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 điều 35, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng D sự năm 2015.
- Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Các Điều 463, 466; 469; 357 của Bộ luật D sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa IV về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu N đối với bà Phan Thị Thúy Ng, ông Lê L:

Buộc bà Phan Thị Thúy Ng, ông Lê L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phan Đình D, bà Lê Thị Thu N số tiền là 138.000.000đ (Một trăm ba mươi tám triệu đồng).

Chia phần:

Bà Phan Thị Thúy Ng có trách nhiệm trả cho ông Phan Đình D, bà Lê Thị Thu N số tiền là 69.000.000đ (sáu mươi chín triệu đồng).

Ông Lê L có trách nhiệm trả cho ông Phan Đình D, bà Lê Thị Thu N số tiền là 69.000.000đ (sáu mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật D sự năm 2015.

- Về án phí:

Buộc bà Phan Thị Thúy Ng, ông Lê L phải liên đới nộp 6.900.000đ (sáu triệu, chín trăm ngàn đồng) án phí D sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Trả lại cho bà Lê Thị Thu N số tiền tạm ứng án phí 3.750.000đ (ba triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng) mà bà Nga đã nộp theo biên lai số No 0013386, ngày 06/6/2019 của Chi cục Thi hành án D sự huyện Tánh Linh.

Án xử sơ thẩm công khai; Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời

hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án - Ngày 06/9/2019. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án D sự thì người được thi hành án D sự, người phải thi hành án D sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án D sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án D sự (**Đã giải thích quyền kháng cáo**).*

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Tánh Linh;
- CC THA DS H.Tánh Linh;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Yến